

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 783/2018/HC-PT

Ngày: 27-8-2018

V/v **khieu kiện** hành chính trong
quản lý đất đai về chi trả tiền bồi
thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Nam Bình

2. Ông Trương Thế Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Châu Hiệp Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2018/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2018 về “**Khieu kiện hành chính trong quản lý đất đai về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng**”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3788/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1961

Hộ khẩu thường trú: phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú tại: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Hồ Thị Bích N1, sinh năm 1985

Cùng hộ khẩu thường trú và tạm trú với ông Hồ Văn C.

(Được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 31929 ngày 23/11/2012 tại Phòng Công chứng số A, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B

Địa chỉ: phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu Anh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1731/GUQ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân quận B)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Nguyễn Lương T – Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B

2/ Ông Dương Thành N – Công chức địa chính, xây dựng, đô thị, môi trường Ủy ban nhân dân phường A, quận B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Bích T, sinh năm 1960

3.2. Bà Hồ Thị Bích N2, sinh năm 1983

Cùng hộ khẩu thường trú: 235 đường Hoàng Diệu, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng tạm trú tại: phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3. Bà Hồ Thị Bích N1, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú tại: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Người khởi kiện là ông Hồ Văn C có bà Hồ Thị Bích N1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 15/5/2008, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1450/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng xa lộ Hà Nội tại phường A, quận B đối với hộ ông Hồ Văn C (Quyết định số 1450/QĐ-UBND). Diện tích khu đất ông C bị thu hồi là 342,2m² thuộc một phần thửa số 3, 4 tờ bản đồ số 110 phường A, quận B (theo bản đồ hiện trạng vị trí số 95786/ĐDBĐ-VPTT do Trung Tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 07/12/2007).

Ngày 11/3/2013, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1594/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án thu hồi đất theo lộ giới xa lộ Hà Nội trên địa bàn phường A, quận B đối với hộ ông Hồ Văn C (Quyết định số 1594/QĐ-UBND). Theo đó, ông C đã nhận đợt 1 số tiền 1.777.694.700 đồng, số tiền còn lại 342.694.404 đồng sẽ được nhận tiếp.

Sau khi nhận tiền bồi thường và xem lại thì thấy Quyết định số 1594/QĐ-UBND không đúng pháp luật vì gia đình ông C đã sử dụng phần đất bị thu hồi liên tục từ năm 1986 cho đến nay, có cất nhà ở, đã kê khai nhà đất năm 1999 và không có thuê đất của ai, nhưng Ủy ban nhân dân quận B xác định là đất thuê của Ủy ban nhân dân phường A và thuê Ủy ban nhân dân xã H từ năm 1988 là không đúng dẫn đến việc áp giá sai và chỉ hỗ trợ cho gia đình ông là không đúng pháp luật, cụ thể: phần đất 61,8m² phải được xác định là đất ở, được áp giá 10.200.000 đồng/m², phần đất 140,5m² phải được xác định là đất nông nghiệp

xen cài được áp giá là 4.238.000 đồng/m², còn phần đất 1,7m² trên đường ống nước chưa được bồi thường là 4.238.000 đồng.

Do đó, ông C làm đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1594/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận B.

Tại Văn bản số 2868/UBND-GPMB ngày 20/6/2018, người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B, có ông Nguyễn Hữu Anh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là người đại diện hợp pháp đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông C, với lý do:

Theo kết quả xác minh nguồn gốc nhà, đất, phường A xác định: Về nguồn gốc: đất do nhà nước đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Năm 2000, gia đình ông C do bà Tuyết vợ ông C ký hợp đồng thuê của Ủy ban nhân dân xã Linh Trung phần đất diện tích 250m². Đến năm 2002, ông C tiếp tục ký hợp đồng thuê của Ủy ban nhân dân phường A phần đất này. Trước đó, vào năm 1988, gia đình ông C ký hợp đồng thuê của Ủy ban nhân dân xã H tỉnh Bình Dương phần diện tích 200m². Phần đất gia đình ông C bị thu hồi có diện tích 401,6m², trong đó phần đất mà gia đình ông C thuê của nhà nước chỉ được hỗ trợ, không được bồi thường. Vì vậy Quyết định số 1594/QĐ-UBND về chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án thu hồi đất theo lộ giới xa lộ Hà Nội trên địa bàn phường A, quận B đối với hộ ông Hồ Văn C được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng với quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2014, Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Hồ Văn C.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 1041/2014/HC-PT ngày 22/8/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn C. Sửa bản án sơ thẩm:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C về việc hủy Quyết định 5664/QĐ ngày 05/10/2012 và Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng của Ủy ban nhân dân quận B đối với hộ ông Hồ Văn C.

Buộc Ủy ban nhân dân quận B tính toán bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 1,7m² đối với hộ ông Hồ Văn C đúng quy định pháp luật”.

Ngày 06/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kháng nghị số 131/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 1041/2014/HC-PT ngày 22/8/2014 của Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 25/2017/HC-GĐT ngày 14/12/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 1041/2014/HC-PT ngày 22/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, giải phóng mặt bằng” giữa người khởi kiện ông Hồ Văn C và người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo qui định của pháp luật”.

Sau khi có quyết định giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý, giải quyết lại vụ án nêu trên theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Hồ Văn C (có bà Hồ Thị Bích N1 là người đại diện hợp pháp) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 5664/QĐ ngày 05/10/2012 và Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B để Ủy ban nhân dân quận B bồi thường cho gia đình ông C phần đất bị thu hồi theo quy định, với lý do phần đất bị thu hồi của gia đình ông C sử dụng ổn định từ năm 1988 nhưng Ủy ban nhân dân quận B lại xác định đất thuê là không đúng. Không yêu cầu giải quyết bồi thường đối với phần đất diện tích 1,7m² thuộc Dự án lưng ống nước D2400 mà Ủy ban nhân dân quận B bồi thường thiếu cho gia đình ông C.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B vắng mặt, nhưng có người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày như sau: Ủy ban nhân dân quận B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông C, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì phần đất ông C bị thu hồi có 250m² là đất thuê của Ủy ban nhân dân phường A nên Ủy ban nhân dân quận B không bồi thường mà chỉ hỗ trợ là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Bích T vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Bích N1gân và bà Hồ Thị Bích N1 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông C được bà Hồ Thị Bích N1 là người đại diện hợp pháp của ông C trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tố tụng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp

hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

- Về kháng cáo của ông Hồ Văn C:

Nhà đất của ông C bị thu hồi có diện tích 401,6m² bị ảnh hưởng bởi dự án Xa lộ Hà Nội được sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1988, trong đó chỉ có 30,8m² do Ủy ban nhân dân xã Tăng Nhơn Phú đăng ký nhưng Ủy ban nhân dân quận B lại yêu cầu ông C ký hợp đồng thuê 250m² là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/7/2014, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B cũng thừa nhận việc ký hợp đồng là để hợp thức hóa việc kinh doanh của ông C.

Như vậy, việc sử dụng đất của gia đình ông C là trước năm 1993 và được sử dụng vào mục đích ở nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông C phải được bồi thường 100% đất ở với hạn mức 200m² và được hỗ trợ phần diện tích vượt hạn mức 142,2m² theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư. Nhưng Ủy ban nhân dân quận B lại căn vào hợp đồng thuê chỉ mang tính hình thức ban hành Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 không bồi thường mà chỉ hỗ trợ cho gia đình ông C, đồng thời bồi thường thiếu phần đất diện tích 1,7m² nằm trên lưng ông nước thuộc dự án D2400 là không đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu đòi bồi thường đối với phần đất 1,7m², nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, hủy Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B để Ủy ban nhân dân quận B bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C phần đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu bồi thường phần đất có diện tích 1,7m² trên lưng ông nước thuộc Dự án D2400.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B có ông Nguyễn Hữu Anh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là người đại diện hợp pháp vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Bích T vắng mặt nhưng các đương sự này có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định 5664/QĐ ngày 05/10/2012 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án thu hồi đất theo lộ giới Xa lộ Hà Nội trên địa bàn phường A, quận B và Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 về việc chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án thu hồi đất theo lộ giới Xa lộ Hà Nội trên địa bàn phường A, quận B là quyết định hành

chính trong quản lý đất đai do Ủy ban nhân dân quận B ban hành. Ngày 04/6/2013, ông C đã có đơn khởi kiện đối với quyết định nêu trên. Như vậy, đơn khởi kiện của ông C là còn thời hiệu, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29, Điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010.

Về kháng cáo của ông Hồ Văn C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Về vị trí, diện tích và nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất bị thu hồi:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 95786/ĐDBĐ-VPTT (T6_04) ngày 14/12/2011 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất ông C bị thu hồi tọa lạc tại địa chỉ: phường A, quận B, có diện tích 401,6m², trong đó có phần diện tích 371m² là đất thuộc thửa số 280-1 và phần diện tích 30,6m² thuộc thửa số 281-1 theo tài liệu 299/TTg.

Tại Văn bản số 470/HĐTĐBT-KTD ngày 21/6/2012 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh thì thửa đất 280 có nguồn gốc quá trình sử dụng như sau: “Sau năm 1975: Theo xác minh của Ủy ban nhân dân phường A, quận B đã có một số hộ dân sử dụng, đến thời điểm đăng ký 299/TTg (năm 1982 – năm 1984), thửa đất 280 đăng ký loại đất: T – tên chủ sử dụng: TTT”. Thửa đất 281 có nguồn gốc sử dụng như sau: “Sau năm 1975: Theo Theo xác minh của Ủy ban nhân dân phường A, quận B khu đất trên trước thời điểm đăng ký 299/TTg có một vài hộ sử dụng, đa số các hộ dân tự sử dụng từ sau năm 1986 (tức sau thời điểm đăng ký 299/TTg). Một số trường hợp có hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã và sau đó không tiếp tục ký hợp đồng thuê đất nữa, sử dụng đến nay. Đăng ký: Đến thời điểm đăng ký 299/TTg (năm 1982 – năm 1984), thửa đất 281 do Ủy ban nhân dân xã đăng ký loại đất: H/g”.

Căn cứ Giấy xác nhận số 04/GXN-UBND ngày 25/01/2013 của Ủy ban nhân dân phường A và Biên bản trị giá bồi thường hỗ trợ đất và tài sản trên đất (bổ sung) số 121/BB-BT ngày 11/3/2013 của Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng quận B thì phần đất bị thu hồi được ông C sử dụng từ năm 1988 và trên đất có nhà xây dựng trước ngày 15/10/1993.

Như vậy, có cơ sở xác định, phần đất gia đình ông C bị thu hồi có diện tích 401,6m², trong đó có phần diện tích 371m² là đất thuộc thửa số 280-1 và phần diện tích 30,6m² thuộc thửa số 281-1 theo tài liệu 299/TTg, trong đó, chỉ có 30,6m² đất thuộc thửa số 281-1 do Ủy ban nhân dân xã Tăng Nhơn Phú đăng ký và 13,4m² là đất chiếm lề đường Lê Văn Chí, được gia đình ông C sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1988, thuộc trường hợp sử dụng trước ngày 15/10/1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003.

[4] Về bồi thường, hỗ trợ về đất:

Tại Quyết định số 5664/QĐ ngày 05/10/2012 và Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013, Ủy ban nhân dân quận B chỉ bồi thường cho ông C 138,2m² theo đơn giá đất ở; hỗ trợ đất ở vị trí mặt tiền đường Lê Văn C có diện

tích 61,8m² theo đơn giá 30% đất ở và hỗ trợ đất nông nghiệp vị trí 1 có diện tích 140,5m² theo đơn giá đất nông nghiệp vì cho rằng trong phần đất nêu trên có phần đất diện tích 250m² (bao gồm phần đất trên lưng ông D2400 thuộc dự án D2400 có diện tích 47,7m²) do vợ chồng ông C thuê của Ủy ban nhân dân phường A, quận B từ năm 2000 - 2002. Tuy nhiên, căn cứ Hợp đồng thuê đất lập ngày 22/02/2000 giữa Ủy ban nhân dân phường A với bà Bùi Bích T (vợ ông C) và Hợp đồng thuê đất lập ngày 01/7/2002 giữa Ủy ban nhân dân phường A với ông Hồ Văn C do Ủy ban nhân dân quận B cung cấp (hợp đồng ký với ông C không có bản chính, còn hợp đồng ký với bà Tuyết tuy có bản chính nhưng phía ông C và bà Tuyết không thừa nhận có việc ký hợp đồng thuê đất) không thể hiện vị trí thửa đất thuê. Hơn nữa, trong phần đất mà gia đình ông C bị thu hồi, chỉ có 30,8m² đất là do Ủy ban nhân dân xã T đăng ký, nhưng Ủy ban nhân dân quận B lại yêu cầu ông C ký hợp đồng thuê 250m² là không đúng, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/7/2014, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B cũng thừa nhận hợp đồng thuê chỉ là hình thức để hợp thức hóa việc kinh doanh của gia đình ông C. Do đó, việc lập hợp đồng thuê đất nêu trên (nếu có) cũng chỉ mang tính hình thức, không thể hiện được bản chất sự việc nên không thể dùng làm căn cứ để xem xét việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C. Việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên của Ủy ban nhân dân quận B đối với gia đình ông C là chưa xem xét toàn diện về quá trình sử dụng đất của gia đình ông C, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C. Do đó, Ủy ban nhân dân quận B cần phải bồi thường cho ông C hạn mức đất ở 200m² vị trí mặt tiền đường Lê Văn C theo đơn giá đất ở theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 1 Quyết định số 64/2001/QĐ-UBND ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường, hỗ trợ phần đất 140,5m² theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư theo quy định tại Khoản 2 Mục IV và Khoản 3 Mục V Phần C Phương án số 58/PATT-HĐBT ngày 22/12/2008, được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 25/12/2008.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/7/2014, Ủy ban nhân dân quận B thừa nhận bồi thường thiếu cho gia đình ông C 1,7m² thuộc dự án D2400 năm 2006, lẽ ra Ủy ban nhân dân quận B phải có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ diện tích đất này cho gia đình ông C. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông C không yêu cầu xem xét bồi thường đối với phần đất này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông C.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, hủy Quyết định số 5664/QĐ ngày 05/10/2012 và Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B để Ủy ban nhân dân quận B giải quyết lại việc bồi

thường, hỗ trợ cho gia đình ông C theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do Quyết định số 5664/QĐ ngày 05/10/2012 và Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B bị hủy nên Ủy ban nhân dân quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm, do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 4 Điều 225, Khoản 3 Điều 229, Khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi;

Căn cứ Điều 1 Quyết định số 64/2001/QĐ-UBND ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Khoản 1 Điều 34, Khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường cho gia đình ông phần đất bị thu hồi có diện tích 1,7m² trên lưng ống nước thuộc Dự án D2400.

II. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C:

- Hủy Quyết định số 5664/QĐ ngày 05/10/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án thu hồi đất theo lộ giới Xa lộ Hà Nội trên địa bàn phường A, quận B;

- Hủy Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án thu hồi đất theo lộ giới Xa lộ Hà Nội trên địa bàn phường A, quận B.

- Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông Hồ Văn C theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân quận B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Ông Hồ Văn C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) mà ông C đã nộp theo Biên lai số AD/2011/09770 ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

III. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Hồ Văn C không phải chịu. Ông C được nhận lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông C đã nộp theo Biên lai số AE/2012/01083 ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA DS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Thoa